

Số: 79/2023/QĐST – HNGĐ

Bình Sơn, ngày 08 tháng 9 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH SƠN, TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ vào Điều 212, 213 và Điều 397 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84, 110, 116 và Điều 117 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 341/2023/TLST – HNGĐ, ngày 31 tháng 8 năm 2023 về việc “*yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận về nuôi con*” gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1985; nơi cư trú: Thôn V, xã T, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.

2. Anh Đinh Văn C, sinh năm 1978; nơi cư trú: Số A đường L, phường B, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh C qua thời gian tìm hiểu, yêu thương nhau, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn C, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi ngày 27/3/2014. Trong quá trình sống chung, thời gian đầu sống hạnh phúc nhưng mấy năm trở lại đây vợ chồng xảy ra mâu thuẫn cá nhân, bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, vợ chồng sống với nhau không thể hòa hợp được. Nay anh, chị yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Xét thấy, anh C và chị T thuận tình ly hôn là tự nguyện nên Tòa án công nhận sự thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Anh C và chị T xác định có 01 con chung là Đinh Gia H, sinh ngày 04/4/2015. Khi ly hôn anh C và chị T thỏa thuận giao Đinh Gia H cho

chị T trực tiếp nuôi. Anh C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con định kỳ 1.500.000 đồng/tháng, thời gian thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con được tính từ tháng 8/2023 cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi.

[3] Về tài sản chung: Chị T và anh C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: Anh C và chị T đều xác định không có.

[5] Về lệ phí Tòa án: Lệ phí sơ thẩm giải quyết yêu cầu về hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng, chị T và anh C mỗi người tự nguyện chịu 150.000 đồng.

Đã hết thời hạn 7 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Đinh Văn C thuận tình ly hôn.

1.2. Về con chung: Anh Đinh Văn C và chị Nguyễn Thị T xác định có 01 con chung là Đinh Gia H, sinh ngày 04/4/2015. Khi ly hôn anh C và chị T thống nhất giao Đinh Gia H cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi. Anh Đinh Văn C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con định kỳ 1.500.000 đồng/tháng, thời gian thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con được tính từ tháng 8/2023 cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con được quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được quyền cản trở, nhưng không được lạm dụng quyền thăm nom con chung. Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Khi cần thiết anh C, chị T hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Việc trông nom chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn được áp dụng theo quy định tại các Điều 81, Điều 82, Điều 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và các quy định khác của pháp luật liên quan.

1.3. Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Đinh Văn C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

1.4. Về nợ chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Đinh Văn C đều xác định không có.

1.5. Về lệ phí sơ thẩm: Lệ phí sơ thẩm giải quyết yêu cầu về hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng, chị T và anh C mỗi người tự nguyện chịu ½ và được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng anh, chị đã nộp tạm ứng theo biên lai thu tạm ứng án phí,

lệ phí Tòa án số 0006740 ngày 31/8/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi.

2. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện Bình Sơn;
- Chi cục THADS huyện Bình Sơn;
- UBND Thị trấn Châu Ổ;
- Lưu hồ sơ, án văn.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Nguyễn Trung Linh